

PHỐ CẢNG THANH HÀ - BAO VINH TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI PHÚ XUÂN - HUẾ THẾ KỶ XVII-XVIII-XIX

ĐỖ BANG*

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Bối cảnh lịch sử

Phố cảng Thanh Hà ra đời khi sự nghiệp của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong bước vào thời thịnh đạt. Dinh phủ đã được chúa Nguyễn Phúc Lan chuyển vào Kim Long, cuộc chiến tranh chống chúa Trịnh đã khẳng định được chỗ đứng và vị thế của người có chủ quyền; công cuộc mở mang đất Đàng Trong và mối quan hệ với Chân Lạp, Nhật Bản... đã tạo được uy tín lớn và thiện chí đặc biệt.

Phố cảng Thanh Hà từ đó phát triển cùng với sự lớn mạnh của xứ Đàng Trong và thế lực của các chúa Nguyễn cho đến cuối thế kỷ XVIII - thời Tây Sơn. Vào giai đoạn này, tình hình buôn bán ở Phú Xuân tuy có phần bị giảm sút kể từ lúc quân Trịnh chiếm đóng (1786). Nhưng yếu tố chính đưa đến sự lụi tàn của phố cảng Thanh Hà là do xuất hiện của Cồn Bút ở ngay bến cảng nên tàu thuyền khó cập bến. Hoa thương di chuyển cư trú đến các địa điểm mới để được buôn bán thuận lợi hơn; phố cảng Bao Vinh bắt đầu xuất hiện.

Phố cảng Bao Vinh một vị trí kề cận Thanh Hà, gần với Kinh thành Huế hơn là một yếu tố thuận lợi cho sự dịch chuyển để hình thành khu thương mại mới. Nhưng phố cảng Bao Vinh không thể so sánh với phố cảng Thanh Hà vì phố cảng Bao Vinh không phải là trung tâm thương mại duy nhất của Huế và chính sách ưu đãi của triều đình Huế cũng không dành cho Bao Vinh như thời các chúa Nguyễn đối với Thanh Hà. Nhưng sự tồn tại của phố cảng Bao Vinh là cần thiết cho triều đình và nhu cầu xã hội. Với một tầm vóc hoạt động thương mại tuy khiêm tốn nhưng phố cảng Bao Vinh duy trì được sức sống cho đến ngày nay; một thực thể khách quan và là một đối tượng trực quan hấp dẫn nhiều ngành khoa học, nhiều giới chức quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu.

2. Phố cảng Thanh Hà

Phố cảng Thanh Hà ra đời từ một làng quê. Nhưng với vị trí trên bến, dưới thuyền thuận lợi, cư dân có truyền thống buôn bán, ở Thanh Hà vốn đã xuất hiện một chợ làng, nơi hội tụ hàng hóa của cư dân các vùng lân cận. Sự lớn lên của khu thương mại Thanh Hà đồng thời với sự phát triển

* PGS.TS. Đại học Khoa học Huế.

kinh tế hàng hóa và chế độ cát cứ ở Đàng Trong. Đón được luồng thương mại thế giới nhất là Hoa thương, Thanh Hà trở thành một thương cảng lớn nhất, cửa ngõ giao thương hàng đầu của thời Kim Long - Phú Xuân thịnh trị. Thanh Hà là địa chỉ thương mại hấp dẫn của thương khách nhiều nước trước hết là thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản của châu Á, của các nước phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp...

Năm 1636, ngay lúc mới chuyển dinh vào Kim Long chúa Nguyễn Phúc Lan đã cho phép thành lập phố Thanh Hà. Trong một văn bản còn lưu tại địa phương cho biết điều đó: "*Chúa Thượng vương sau khi dời phủ về Kim Long bèn cho phép tiền hiền chúng ta kiến thiết khu chợ nơi giáp giới hai xã Thanh Hà và Địa Linh*" (1).

Vào khoảng giữa thế kỷ XVII, dưới con mắt của Giáo sĩ Alexandre de Rhodes khi trú ngụ ở Thanh Hà, ông cho đó đã là một thành phố, tuy không lớn bằng dinh phủ Kim Long mà ông cho là thành phố lớn; Ông viết: "*Tôi không dám ở thành phố lớn. Tôi thuê tại thành phố nhỏ gần đó sau cơn hỏa tai xảy ra lớn nhất ở đây*" (2).

Trong thời kỳ thịnh đạt, phố Thanh Hà phần lớn nằm trong tay Hoa thương nên gọi là "*Đại Minh khách phố*". Về mặt hành chính, buổi đầu phố Thanh Hà trực thuộc phố Hội An ở Quảng Nam, đến thời Tây Sơn (1786-1801) mới tách riêng thành một đơn vị hành chính độc lập với tên gọi "*Minh Hương xã Thanh Hà phố*". Vào đầu triều Nguyễn đặt làm "*Thanh Hà - chợ Dinh nhị phố Minh Hương xã*" (3).

Trong hồ sơ lưu trữ của làng Minh Hương cho biết vào năm Thịnh Đức thứ 6 (1658), chúa Nguyễn Phúc Tần "*thi ân cho lập phố tại đất đồn thổ thuộc làng Thanh*

Hà và Địa Linh là 1 mẫu 2 sào 5 thước 4 tấc" (4). Đó chính là cái "rón đất" thương nghiệp của Thanh Hà bước vào thời thịnh vượng. Năm 1685, Hoa thương xây dựng Thiên Hậu cung (còn gọi là chùa Bà) ngay trên điểm cư trú buôn bán đầu tiên của mình để làm nơi tế tự chung cho Hoa kiều và cũng là mốc giới phía Bắc của phố Thanh Hà. Phố Thanh Hà mở rộng dần về phía Nam, thương khách mua đất của làng Địa Linh để lập phố và xây dựng đền thờ Quan Thánh (còn gọi là chùa Ông) ở vị trí tận cùng phía Nam của phố để làm đền thờ chung và cũng là mốc giới giữa phố Thanh Hà và làng Địa Linh (5). Đây là dấu vết lâu đời của phố Thanh Hà trong thời kỳ phát triển và cũng là mốc giới có ý nghĩa lịch sử để chúng ta xác định trên thực địa của phố Thanh Hà xưa.

Phố Thanh Hà phát triển trên cơ sở phần thịnh của cảng và chợ Thanh Hà cùng tầng lớp cư dân mà chủ yếu là Hoa thương chuyên nghề buôn bán.

Thanh Hà trong thế kỷ XVII, chỉ có hai dãy phố lợp tranh đơn sơ nằm về phía Tây con đường làng Minh Thanh hiện nay, hướng chính quay mặt ra bờ sông. Sau khi chiếm được bãi đất bồi, Hoa thương dựng lên một dãy nhà đối diện quay lưng ra bờ sông, lấy con đường của làng Thanh Hà làm đường phố chính. Năm 1700, Hoa thương mới được phép xây phố bằng gạch và lợp ngói để tránh hỏa hoạn. Phố bao gồm những cửa hàng, cửa hiệu, các đại lý xuất nhập khẩu và những nhà cho thuê dành cho thương khách ở xa, chủ yếu là thương nhân Trung Quốc mới đến, hoặc thương nhân giữa hai mùa mậu dịch trong thời áp Đông (từ tháng 10 cuối năm đến tháng 3 năm sau).

Vào giữa thế kỷ XVIII, Pierre Poivre đến Huế và khảo sát tình hình buôn bán ở Thanh Hà, có nhận xét: "*Vào mùa mưa, các*

đường phố chật hẹp, lầy lội, chỉ có phố hay khu Trung Hoa có một lối đi rộng và lát gạch. Dọc hai bên đường người ta dựng lên những nhà gạch lợp ngói khá sung túc” (6).

Đầu thế kỷ XX, Morineau đến khảo sát Thanh Hà, căn cứ trên dấu tích còn lại, tác giả đã khôi phục khu phố như sau: *“Những làng của người Hoa lai Việt, một số sắp thành hàng trên bờ sông, đó là những túp lều tranh dựng trên những bộ cọc nhà sàn. Một số khác là cửa hàng giàu có xây gạch và lợp ngói chiếm phía Bắc con đường mòn hoặc đường phố thành một dãy phố chạy dài đến tận các đồng lúa. Đất phố mà trên đó gồm các công trình kiến trúc xây dựng rộng rãi từ đền thờ Quan Công dựng lên khi làng Minh Hương mới thành lập đến tận đường mòn Thanh Hà, nơi vị trí bây giờ ở cầu một nhịp. Đó các dòng chảy đổ vào các ruộng lúa trên con đường mòn cũ” (7).*

Phố Thanh Hà xây dựng theo lối đơn tuyến trên một trục giao thông có sẵn làm đường phố chính. Hai dãy phố đối diện dần dần được hình thành, phía sau là đồng ruộng, trước mặt là bến cảng của sông Hương; một điều kiện chủ yếu cho phố cảng ra đời (8).

3. Phố cảng Bao Vinh

Sự xuất hiện của Côn Bút là một tác nhân địa lý trực tiếp đánh quỵ khu thương mại Thanh Hà thì Bao Vinh đón lấy cơ hội đó để hội tụ doanh nhân trở thành khu thương mại lớn của đất Kinh kỳ vào thế kỷ XIX. Bao Vinh có những yếu tố thuận lợi: cận thị, cận giang, cận lộ lại cận kinh và cận Thanh Hà nên đảm bảo cho sự chuyển dịch và phát triển doanh thương. Trong đó ưu thế vẫn là cảng sâu tiện lợi cho tàu thuyền cập bến:

“Bao Vinh cao bực, hãm bờ

Ghe mành lui tới, mẹ nhờ duyên con”

Hoa thương mua đất mặt tiền của làng và lập phố với hai dãy phố đối diện qua trục đường chính của khu phố mới. Trước mặt là sông Hương và bến cảng, sau là khu dân cư của làng và đồng ruộng.

Khác với Thanh Hà, chợ Dinh và các trung tâm thương mại khác của người Hoa ở Việt Nam. Thương nhân người Hoa không lập chùa Ông (đền Quan Công) và chùa Bà (Thiên Hậu cung) để làm cơ sở tín ngưỡng cho những người Hoa xa xứ và cũng là định mốc chủ quyền. Ở Bao Vinh không có cơ sở tín ngưỡng chung của Hoa thương. Phố Bao Vinh được giới hạn từ chùa làng phía Bắc đến đình làng phía Nam. Hoa thương mua đất của các dòng họ và tư nhân để lập phố còn thực hiện tín ngưỡng thì đến Thanh Hà nơi có chùa Bà, chùa Ông còn sinh hoạt các Bang hội thì về chợ Dinh. Tính chất phụ thuộc của Hoa thương ở Bao Vinh thể hiện được sức mạnh văn hóa của một làng Việt cổ truyền đã tạo ra một diện mạo làng quê đặc sắc trong cơ chế thị trường thành một bước chuyển căn bản trong tiến trình đô thị hóa của thời phong kiến.

So sánh với các khu thương mại khác của Huế từ đầu thế kỷ XIX đến năm 1885, trước khi bị tàn phá bởi thất thủ kinh đô, như chợ Dinh, Gia Hội, Đông Ba... thì hoạt động buôn bán ở Bao Vinh có *thịnh vượng hơn, phố ngói nhiều hơn, thương nhân nhiều hơn* (nhận xét của Thuyền trưởng Dutreil de Rhins năm 1876), nhưng kiến trúc và cảnh quan lại thiếu kang trang so với các nơi khác; bởi vì thiếu sự đầu tư xây dựng các đền, chùa, hội quán của Hoa thương. Thuyền trưởng D. Rhins vào thời điểm năm 1876 cũng cho biết: *“Khi thuyền đi qua trước mặt Thanh Hà mà ông không hề chú ý đến nó, đến khi đi qua còn nổi Minh Hương ông mới chú ý đến cảnh nhộn*

nhịp ở Bao Vinh mà ông làm tướng là Mang Cá” (9).

Đó cũng là bài học về đầu tư phát triển, về quan hệ giữa thành thị và nông thôn, quan hệ kinh tế, văn hóa của làng Việt truyền thống với doanh nhân nước ngoài.

II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI Ở PHỐ CẢNG THANH HÀ VÀ BAO VINH

1. Hoạt động thương mại ở phố cảng Thanh Hà

Phố Thanh Hà ra đời và hoạt động thương mại trong những lợi thế về giao thông đường thủy nối liền Nam - Bắc đất nước, sản xuất hàng hóa của địa phương và của xứ Đàng Trong. Thuận lợi trong yếu tố kinh tế thị trường thế giới và yếu tố chính trị trong nước và quốc tế.

Thuận Hóa và Đàng Trong có nhiều đặc sản quý hiếm được thương nhân nhiều nước ưa chuộng như: hồ tiêu, cau, trầm hương, yến sào... Thanh Hà là cửa ngõ thông thương với nước ngoài, nơi nhà nước độc quyền mua bán xuất nhập khẩu. Ở đây cũng có nhiều mặt hàng thủ công như gốm, dệt, đúc đồng, một thị trường mua bán vũ khí nóng bỏng của thế giới diễn ra ở Thanh Hà khi cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn đạt đến đỉnh điểm của sự khốc liệt (1627-1672) cùng với vũ khí và tiếp đó là các mặt hàng cao cấp phục vụ cho cung đình và quan lại ở dinh phủ của chúa. Đây cũng là thời kỳ xuất hiện các cường quốc hàng hải và thương mại quốc tế như Hà Lan, Anh, Pháp... Và đặc biệt là Hoa thương ào ạt nhập cư vào Đàng Trong nhờ chính sách mở cửa của chúa Nguyễn khi mà người Mãn Châu chiếm Trung Quốc lập ra triều đại Mãn Thanh đã gây một làn sóng phần uất. Trong vô số những nạn nhân này họ đã qua Thanh Hà di trú, lập phố buôn bán.

Cảnh buôn bán trên phố cảng Thanh Hà diễn ra tấp nập.

Hàng năm nhà nước trưng dụng hàng trăm chiếc thuyền chở gạo từ Đồng Nai, Gia Định ra cung cấp cho dinh phủ Phú Xuân và bán cho nhân dân Thuận Hóa.

Người Hoa vào Hội An mua các mặt hàng dân dụng của phương Tây ra bán ở Thanh Hà. Lê Quý Đôn cho biết: *“Phố Hội An xứ Quảng Nam, tàu Tây thường đem nổi đồng, mâm đồng đến bán hàng vạn chiếc. Người Tàu buôn về phố Thanh Hà luôn bán thường lái gấp đôi”* (10). Trong thời kỳ đất nước bị chia cắt nhưng Lê Quý Đôn cũng cho biết thương nhân Thanh Nghệ, Sơn Nam đã vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy vào Thanh Hà để trao đổi. Hàng hóa từ Thanh Hóa, Ai Lao cũng đưa bằng đường bộ vào chợ phiên Cam Lộ và được thương nhân vận chuyển vào bán ở Thanh Hà.

Từ thực tế đó, bác sĩ người Đức Jean Koffler làm nghị y cho chúa Nguyễn Phúc Khoát đã có nhận xét: *“Những sự trao đổi giữa các tỉnh miền Bắc và miền Nam lại làm cho thương mại tăng thêm phần quan trọng. Hàng hóa dồn theo đường bộ và đường biển đến kinh đô rồi được mang đi bán và từ đấy ta lại mang nhiều thứ khác nữa”* (11).

Hàng nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng cung cấp cho nhà nước gồm kim loại như: đồng, kẽm, hợp kim do thương khách từ Nhật Bản, Trung Quốc chở hợp kim có kẽm để đúc tiền. Đồng đỏ Nhật Bản loại tốt theo giá 100 cân là 45 quan. Các tàu Thượng Hải, Phúc Kiến, Quảng Đông chở đồng hồ sang cũng phải khai báo để theo giá mà mua. Sau khi nhà nước mua xong mới cho tàu bán ra ngoài (12). Vũ khí mua của Bồ Đào Nha, Hà Lan, Nhật Bản để sử

dụng trong chiến tranh với họ Trịnh. Chúa Nguyễn Phúc Tần có lần nhờ Giáo sĩ Marque nhận 1000 nén bạc sang Ma Cao để mua vũ khí. Đầu năm 1659, tàu Ma Cao chở súng đạn đến: Chúa mừng quá, vội vã cùng với đạo binh đến bến tàu (Thanh Hà), Chúa ra lệnh cho bắn 3 phát súng đón chào, rồi chúa không ngớt sờ mó, vuốt ve những khẩu đại bác một cách đặc chí như thể chúa Nguyễn đã tiêu diệt đạo binh của chúa Trịnh ra tro rồi (13).

Pierre Poivre còn cho biết người Hà Lan và các tàu phương Tây khác mang nhiều thứ ngọc quý đến bán ở Thanh Hà; người Anh mang các mặt hàng len, dạ đến bán. Người Trung Quốc mang các mặt hàng cao cấp như lụa, gấm, vóc, len, dạ, đồ sứ, sành, đồ gốm, giấy, tranh, tre, chè... các dược liệu như sa hoàng, mộc hương, hoàng liên, nhân sâm.

Cảnh buôn bán nhộn nhịp ở phố cảng Thanh Hà vào giữa thế kỷ XVIII cũng được Jean Koffler ghi nhận: Hàng năm có khoảng 80 chiếc thuyền Hoa thương từ các tỉnh đến đó, chắc chắn chứng tỏ rằng ở đây có nền kinh doanh nhộn nhịp (14).

Về hàng hóa xuất khẩu, Lê Quý Đôn cho biết: các kho của phủ chúa luôn chứa đựng các mặt hàng quý hiếm của Đàng Trong để xuất khẩu ra cảng Thanh Hà như: vàng, trầm hương, yến sào, đường, mía, ngà voi, đồi mồi, đường phèn, đường cát, đậu xanh, nước mắm, muối, vải trắng, chiếu, giấy, sừng tê, ngà voi, gỗ mun, lá buôn, chuông đồng... (15), đặc biệt là đặc sản hồ tiêu ở huyện Minh Linh (Quảng Trị): "Cứ hàng năm vào thượng tuần tháng 5 thì sai đội trưởng thuyền Tân Nhất cùng tinh binh ra địa phương hạ lệnh cho tùy viên nhiều vườn ít mà chia bao, hộp số định giá mua lấy, một gánh hồ tiêu chỉ trả 5 quan tiền

chở về phố Thanh Hà bán cho khách Tàu, không cho dân địa phương bán riêng. Ngoài ra dân địa phương có lệ cống hồ tiêu trắng và đen mỗi thứ một bao (bao = 62,5kg) (16).

2. Hoạt động thương mại ở phố cảng Bao Vinh

Tư liệu thương mại về Bao Vinh để lại không nhiều nhưng qua bài khảo cứu Bao Vinh - thương cảng Huế của R. Morineau vào năm 1916 (17) cho chúng ta hình dung cảnh phố cảng Bao Vinh qua 3 giai đoạn: Vào năm 1820 qua hồi ức của Đức Chaigneau; năm 1876 qua bút ký của Dutreil de Rhins năm 1876 - đây là thời kỳ thịnh vượng của Bao Vinh trước khi khu phố này bị tàn phá trong biến cố năm 1885 và năm 1916 qua cảm nhận của R. Morineau.

Năm 1820, Đức Chaigneau cho biết về phố Bao Vinh như sau: "ở đây, người Tàu và người An Nam buôn bán lớn với các thứ hàng quý. Dân tại đây khá giả hơn các vùng phụ cận khác của Huế. Khi đi ngang qua ta có thể nhận thấy dễ dàng dân chúng giàu có, tuy ít ồn ào nhưng rất cẩn cù và chăm chỉ. Người Tàu có nhiều cửa hàng chứa đầy hàng hóa Trung Quốc". Các mặt hàng xuất nhập khẩu ở Bao Vinh trong thời kỳ này cũng được ghi nhận như sau: "Thuyền bè vào cửa biển của Huế và lên đến Bao Vinh - đoạn đường khoảng 12km - vì ở đây có cửa tiệm hoặc kho chứa của họ và họ không được phép đi xa hơn. Thuyền mang đến vải, lụa, sành sứ, trà, thuốc Bắc, trái cây, mít, bánh và đồ chơi trẻ em... và khi trở về thì dường như chở đầy các mặt hàng An Nam như cau, lụa thô, gỗ nhuộm, dầu bóng Bắc Kỳ, da tê giác, ngà voi...

Năm 1876, Dutreil de Rhins có mô tả về cảng và hàng hóa ở Bao Vinh như sau:

"Đây là cảng trong đất liền của Huế. Nhiều thuyền An Nam và Tàu chen chặt trên con sông hẹp và sâu (sông rộng 150m, sâu 8m). Đứng có dựa vào cái nhìn bên ngoài đối với các loại thuyền và lớp lá đậy các khoang thuyền và các hạng rẽ tiền là những cái bánh lụa, tiêu, gà voi, đường, quế, đậu khấu, sa nhân Chàm, thuốc lá, trà, thuốc phiện lậu, vải, đồ sành, các thứ mỹ nghệ bằng gà voi, bằng bạc, bằng đồng đen, vũ khí, bàn ghế gỗ được chạm trổ hoặc cẩn xà cừ" (18).

Năm 1916, sau biến cố kinh thành và chợ Đông Ba đã chuyển ra vị trí mới hiện nay một thời gian khá lâu, nhưng hoạt động thương mại ở phố cảng Bao Vinh vẫn khá nhộn nhịp được R. Morineau mô tả như sau: "*Bao Vinh không còn vàng son thuở trước, nhưng Bao Vinh vẫn là chợ quan trọng và đẹp nhất của vùng này, sau chợ Huế. Những người đi mua hàng, nếu như không muốn bị bóp chết trong các tiệm hào nhoáng của thành phố, thì có thể tìm thấy dễ dàng ở Bao Vinh các mặt hàng bán xũ, của Tàu, Nhật, Ấn Độ và các mặt hàng Âu. Người ta còn tìm thấy các mặt hàng thường dùng mà những tiệm bóng nhoáng của Huế không bày bán.*"

Trên bến cảng Bao Vinh, R. Morineau viết tiếp, ngoài những thuyền đi khơi buôn bán với các nước "*chúng tôi thấy có các loại thuyền kiểu dáng hoàn toàn An Nam với thủy thủ đoàn Bắc Kỳ, hay An Nam (tức Trung Kỳ) tùy theo chủ thuyền là Nam Định, Phan Rí, Quy Nhơn hay Đà Nẵng. Thuyền của Nam Định chở đến các chuyến hàng đủ thứ: Tơ lụa Nam Định, bàn ghế chạm trổ hoặc cẩn xà cừ Bắc Kỳ, chiếu Phát Diệm rất đẹp, quế Thanh Hóa và các mặt hàng của Bắc Kỳ hay được nhập từ Trung Hoa và Nhật Bản. Từ Phan Rí, Quy Nhơn hay Đà Nẵng ra, thuyền chở theo*

muối, đồ gốm đủ cỡ, đủ loại và các thứ hàng để trao đổi, thông thương như gạo, đậu phộng, vừng, trái dừa, dây dừa, tiêu và thuốc lá.

Tất cả các thuyền ấy khi rời khỏi Bao Vinh đều chở đầy hàng hóa để đưa về Trung Hoa và Hồng Kông qua cảng Hải Phòng và Đà Nẵng. Nhất là các thứ gạo, ngô, sắn, khoai và lâm sản như mây, tre, cán giáo, ván thuyền, trầm hương và các sản vật của miền Thượng được tập trung về Huế do người An Nam và Tàu; các thứ trái cây của các vườn giàu có ở Huế như cau, thanh trà, cam, quýt, và gần đây còn thêm sản phẩm của nhà máy với Long Thọ".

Sự thịnh vượng của Bao Vinh chủ yếu là nhờ cảng sông. Nhưng ở thời điểm R. Morineau ghi chép thì ở Huế đã xuất hiện đường sắt và trạm kiểm soát các thuyền buôn lớn được thực hiện ở Lại An về phía Hạ lưu cách Bao Vinh chừng 2km và đặc biệt là sự phồn vinh của chợ mới Đông Ba bên cạnh cầu Tràng Tiền, nhưng R. Morineau vẫn cho rằng: "*Nhưng dù sao Bao Vinh cũng là một kho chứa hàng hóa bằng đường thủy của những cửa hàng thương mại của Huế, một cái chợ nổi xuất nhập khẩu và hơn nữa là một trung tâm vui lạ đáng được khách du lịch chú ý đến*". Và ông kết luận bài khảo cứu của mình bằng câu: "*Không tiêu diệt hẳn Bao Vinh: vì mất nó là mất một khu vực đẹp mặt của cố đô Huế*".

Không chỉ có Hoa thương, ở Bao Vinh các doanh thương người Việt cũng nổi lên làm chủ thị trường. Họ có nguồn gốc và quê quán khác nhau nhưng đến Bao Vinh chỉ vì một mục đích kinh doanh. Trong số các doanh nhân mà gần một thế kỷ trước đây R. Morineau có đề cập nay vẫn được nhiều người dân Bao Vinh truyền tụng

như Bộ Quế, Bá Rốt, Quán Lương, Quán Hội, Phủ Hoàng, Khóa Dem... Nhiều người trở thành các ông trùm không những trên lĩnh vực doanh thương mà còn có nhiều nhà cửa, đất ruộng, thê thiếp. Điển hình là *Bá Rốt, ông có sở hữu nhiều căn phố ở Bao Vinh và mua 47 mẫu ruộng ở làng La Chử* (19).

Thanh Hà và Bao Vinh đã đi vào lịch sử thương mại Việt Nam và tiến trình phát triển đô thị thời phong kiến như một trong những mốc son thịnh vượng tỏa sáng trong hơn 3 thế kỷ (1636-1945). Ngọn triều thương mại đã qua đi để lại cho Thanh Hà một làng quê thời tiền kiếp, một Bao Vinh lụi tàn tưởng như vô phương cứu chữa. Nhưng những di sản lịch sử quý báu đó nhiều năm gần đây được tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm, các nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước tập trung khá nhiều công sức để tìm tòi, khảo sát mong dựng lại được một trung tâm thương mại lớn của đất nước song song tồn tại bên cạnh một trung tâm chính trị hàng đầu của đất nước: Phú Xuân

- Huế, để khẳng định một xứ Huế không chỉ là nơi sản sinh ra đội ngũ quan chức mà còn là nơi tác nghiệp của giới doanh thương. Một phong cách văn minh đô thị hình thành vừa làm phong phú cho đời sống chính trị - văn hóa, vừa làm giàu, làm đẹp qua sự phát triển kinh tế và giao lưu buôn bán ở trong và ngoài nước.

Những vấn đề của khoa học lịch sử cần có thời gian và công sức đầu tư nghiên cứu quy mô và hiệu quả hơn. Những di sản tinh thần cũng cần nhiều thời gian để khôi phục và đặc biệt là những di sản kiến trúc như nhà cửa, phố xá, đền, chùa... cần nghiên cứu và kịp thời ra sức gìn giữ, bảo tồn và phát huy. Nếu không được nhanh chóng thực hiện thì chỉ trong một thời gian ngắn nữa hình ảnh khu thương mại Thanh Hà - Bao Vinh, như một người khổng lồ sẽ vĩnh viễn đi vào quá khứ như chúng ta đã thấy Phố Hiến (Hưng Yên) và Nước Mặn (Bình Định) của thế kỷ XVII-XVIII và tổng cung đình Huế thế kỷ XIX.

CHÚ THÍCH

(1). Theo đơn thỉnh cầu của dân làng năm Bảo Thái thứ 7 (1716).

(2). Dẫn và chú thích theo Linh mục Nguyễn Văn Ngọc. *Hình ảnh con người Quảng Trị qua sử liệu của các giáo sĩ ngoại quốc*. Tạp chí Cửa Việt số 15 (1992), tr. 84.

(3). Đỗ Bang. *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*. Nxb. Thuận Hóa. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr. 96.

(4). Khế ước mua đất của làng Minh Hương được duyệt lại năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753).

(5). Chùa Ông bây giờ thuộc chủ quản của dân làng Địa Linh do thắng lợi vụ kiện đất dưới thời

Tây Sơn năm 1787. Trong chùa Ông có tượng Quan Thánh rất lớn, có nhiều bức hoành do các hội quán của người Hoa cúng là Quảng Triệu, Triều Châu, Hải Nam. Trước sân có lư gang lớn đúc tại lò Long Thạnh (Trung Quốc) vào năm Càn Long thứ 45 (1780) cúng cho đến cùng thời điểm chiếc long đình do Hoa thương cúng cho chùa Bà.

(6). Coodiêre.H. *Vpyage de Pièere en Cochinchine, description de la Cochinchine*, REO, T.III, 1887.

(7). Morneau. R. *Souvenirs historiques en aval de Bao Vinh, phố Le Minh Hương et les maisons de Vannier et de Forsans*, BAVH, 1920, tr. 254.

(8). Tại vườn nhà ông Huỳnh Quỳnh có một giếng cổ hình vuông, là chứng tích của khu chợ Thanh Hà. Trước đây gia đình ông đào đất tìm vàng đó là dấu vết của phố thợ bạc. Ở xung quanh khu vực này khi sản xuất nhân dân gặp nhiều mảnh gốm vỡ, gạch ngói vỡ vữa, đó là dấu tích hoang phế của khu phố cổ ngày xưa. Đỗ Bang, sđd, tr. 101.

(9). Đào Duy Anh. *Phố La première colonie chinoise du Thua Thien*. BAVH. 1943.

(10). Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1964, tr. 358.

(11). Koffler. J. *Description historique de la Cochinchine*. Bản dịch tiếng Pháp của Barbier, RI, tr. 585.

(12). Lê Quý Đôn. Sđd, tr. 242, 241.

(13). Chapouille. H. *Aux origines d'une église*. T.I, Paris, tr. 173.

(14). Koffler. J. Sđd, tr. 585.

(15), (16). Lê Quý Đôn. Sđd, tr. 258, 354.

(17). J. Morineau. *Bao Vinh, port commercial de Hué*. BAVH, T.II, 4-5/1916, tr. 200-210 (*Bao Vinh - thương cảng Huế*). Bản dịch. Nxb. Thuận Hóa, 1997, tr. 208-219.

(18). Sau biến cố năm 1885, chợ Bao Vinh rục rĩ, nhiều cửa hàng và nhà kho lớn bị biến mất, ngôi nhà của Phụ chính Đại thần Nguyễn Văn Tường chỉ còn lại các bức tường đổ nát, một mảnh vườn hoang vắng và vài cái nhà tâm thường...

(19). Phan Gia Đức, 55 tuổi ở Bao Vinh, qua phỏng vấn của Trần Thiên Bình, trong luận văn tốt nghiệp cử nhân sử học, khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học Huế, năm 1998, *Phố chợ Bao Vinh, Quá trình thành lập và hoạt động kinh tế - xã hội dưới thời Nguyễn (1802-1945)*.

TÁC ĐỘNG CỦA SỰ THAY ĐỔI MÔI TRƯỜNG...

(Tiếp theo trang 68)

và đầu tư 140 tỷ USD, trong đó khoảng 30% nguồn vốn từ bên ngoài. Tổng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam năm 2005 đạt khoảng 51 tỷ USD.

(8). Xem thêm: "Triển vọng hợp tác kinh tế thương mại Nga - ASEAN". TTTVN, TLTKĐB, ngày 28-11-2005, tr. 8-12; "Lộ trình "hướng Đông" trong chính sách đối ngoại của Liên Bang Nga", TTXVN, TLTKĐB, ngày 9-2-2005, tr. 17-21; "Kinh tế Nga tiếp tục tăng trưởng cao", Thời báo Kinh tế, Số 34, thứ Năm, ngày 16-2-2006, tr. 14.

(9). Chỉ chiếm 3% dân số thế giới, Nga có nguồn năng lượng lớn nhất, chiếm tới 13% tổng trữ lượng dầu mỏ và 34% tổng trữ lượng khí đốt thế giới đã được phát hiện. Hiện tại nước này đứng đầu thế

giới xuất khẩu khí đốt và thứ hai về dầu mỏ. Sản lượng điện của Nga hiện nay chiếm 12% tổng sản lượng điện toàn cầu.

(10). Kim ngạch thương mại hai chiều Việt-Nga năm 2000 là 363,4 triệu USD, năm 2001 là 570,9 triệu, năm 2002 là 688 triệu, năm 2003 là 651,4 triệu, năm 2004 là 887,3 triệu và con số đó tăng lên 1,1 tỷ USD vào năm 2005. Trong số đó, trị giá hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Nga các năm là: 240,5 triệu USD năm 2000; 376,4 triệu năm 2001; 500,6 triệu năm 2002; 491,8 triệu năm 2003 và 671,2 triệu năm 2004 (Xem thêm: "Đẩy mạnh quan hệ Việt Nam - Liên Bang Nga", Thời báo Kinh tế, Số 34, thứ năm ngày 16/2/2006, tr. 6).